

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2023/DS-PT

Ngày: 22-11-2023

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà **Võ Thị Ngọc Dung**

*Các Thẩm phán:* ông **Phạm Tồn**

ông **Nguyễn Tấn Long**

**- Thư ký phiên tòa:** bà **Đoàn Thị Thu Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Phước Thạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với Điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đào Thị L, ông Đào Văn T; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đào Thị L:* bà Nguyễn Thị O; địa chỉ: số G T, đường số C, khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Quang C, bà Lê Thị S; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Bà S có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Khánh T1 - Luật sư Văn phòng L1 và Cộng sự; địa chỉ: Đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Thị trấn Á, huyện T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Dương Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: F V, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Lê Quang H1, sinh năm 2011; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; cháu H có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Lê Quang H1:* Ông Nguyễn Quang C, vắng mặt.

*Người kháng cáo:* bà Đào Thị L và ông Đào Văn T - là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:***

Ông Đào Văn X (là bố của bà Đào Thị L, ông nội của ông Đào Văn T) mất năm 1960, ông X có 02 đời vợ, vợ thứ nhất là bà La Thị G mất năm 1956 có 06 người con đến nay đã mất (trong đó ông Đào Văn O1 sinh được một cháu trai duy nhất là ông Đào Văn T); vợ thứ hai là bà Dương Thị H2 mất năm 2016, hạ sinh được bà Đào Thị L. Việc cưới hỏi giữa ông X và bà H2 cả họ tộc ai cũng biết và thừa nhận thể hiện qua việc đóng góp xây dựng chi, họ. Trước khi mất bà Đào Thị C1 (con vợ trước của ông X) từ N ra chưa có nhà ở về ở vợ chồng ông X, bà H2, hiện ông Nguyễn Quang C đang tiếp tục ở (bà Đào Thị C1 mất năm 2018). Ngôi nhà trên do ông Đào Văn X lập nên đến nay vẫn còn tồn tại nhưng đã xuống cấp, gia đình họp bàn sửa chữa nhưng ông Nguyễn Quang C không chấp nhận.

Gia đình đã làm đơn gửi đến UBND xã T đề nghị xem xét giải quyết nhưng ông Nguyễn Quang C không đồng ý mà cho rằng đây là đất do bà Đào Thị C1 (mẹ của ông C) để lại. Ông Nguyễn Quang C tự ý kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của ông bà để lại (không có di chúc) là trái đạo lý và quy định của pháp luật.

Vì vậy, bà L, ông T là những người trong hàng thừa kế thứ nhất kính đề nghị TAND tỉnh Quảng Trị xem xét chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 1.135m<sup>2</sup> mà UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất cho bà Đào Thị C1 theo Quyết định số 313/QĐ-UB ngày 07/9/2001 thành 02 phần, một phần cho ông Nguyễn Quang C và một phần cho bà Đào Thị L, Đào Văn T để làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên và hủy một phần Quyết định số 313/QĐ-UB ngày

07/9/2001 của UBND huyện T về việc cấp giấy CNQSD đất cho bà Đào Thị C1 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.135m<sup>2</sup>.

*Tại các văn bản trình bày ý kiến, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn trình bày:*

Nguyên đơn bà Đào Thị L và ông Đào Văn T không liên quan đến tài sản của mẹ ruột ông Nguyễn Quang C là bà Đào Thị C1 (Quyết định 313/QĐ-UB ngày 07/9/2001 của UBND huyện T cấp cho bà Đào Thị C1 đối với thửa đất 110, thửa số 12, diện tích 1.135m<sup>2</sup>). Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị:*

Thực hiện nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Ngày 24/02/2001, bà Đào Thị C1 có đơn xin đăng ký và cấp giấy CNQSD đất tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 08 (hệ tọa độ HN72), diện tích 1.135m<sup>2</sup> thuộc xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. UBND xã T đã tiến hành họp xét và niêm yết công khai hồ sơ đăng ký và cấp giấy CNQSD đất. Sau khi kết thúc niêm yết công khai và giải quyết các kiến nghị của người dân, UBND xã T đã có tờ trình gửi UBND huyện đề nghị cấp giấy CNQSD đất cho 182 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện ở xã T, trong đó có hộ bà Đào Thị C1.

Ngày 30/7/2001, Phòng địa chính huyện T có Tờ trình số 12/TT-ĐC về việc cấp giấy CNQSD đất. Ngày 07/9/2001, UBND huyện T ban hành quyết định số 313/QĐ-UB về việc cấp giấy CNQSD đất cho 182 hộ, cá nhân đủ điều kiện ở xã T, trong đó có hộ bà Đào Thị C1. Theo đó, UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất số U 534969 cho hộ bà Đào Thị C1 tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 08 (hệ tọa độ HN72) thuộc xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị với diện tích 1.135m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở 200m<sup>2</sup>, đất vườn 935m<sup>2</sup>.

Như vậy, về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thực hiện việc cấp giấy CNQSD đất số U 534969 cho hộ bà Đào Thị C1 đúng theo quy định của Luật Đất đai ngày 14/7/1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật đất đai ngày 02/12/1998, Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ về việc giao đất nông nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của T2 hướng dẫn thủ tục đăng ký lập hồ sơ địa chính và cấp giấy CNQSD đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B trình bày:*

Bà Dương Thị H2 được mẹ tôi là bà Đào Thị C1 cư mang về ở cùng với gia đình tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Để thuận tiện cho việc quản lý nhân khẩu nên bà C1 đã đăng ký nhập khẩu cho bà Dương Thị H2 vào hộ khẩu của gia đình, do bà C1 đứng tên chủ hộ. Nay bà H2 đã mất nên con gái bà H2 là bà Đào Thị L đến tranh chấp thừa kế tài sản diện tích đất 1.135m<sup>2</sup> mà mẹ tôi bà Đào Thị C1 để lại cho anh em bà B. Bà B không đồng ý việc phân chia tài sản phần diện tích đất mà bà Đào Thị C1 đã để lại để chia cho bà Đào Thị L.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:* không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đào Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Đào Văn T rút yêu cầu khởi kiện của mình; bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có ý kiến nếu bà L có nguyện vọng làm nhà thờ thì vợ chồng họ sẽ giao lại lại cho bà L phần đất có ngôi nhà cũ để làm nơi thờ cúng và thuộc quyền sở hữu chung, không ai có quyền mua bán, tặng cho, chuyển nhượng nhưng bà L không đồng ý nên bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Dương Thị B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị L; trường hợp Tòa án giải quyết theo thừa kế thì phần tài sản mà bà được hưởng sẽ tặng cho lại cho vợ chồng ông C, bà S.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Ông Đào Văn X có hai đời vợ, đời vợ thứ nhất sinh được 6 người con, đời vợ thứ hai có 1 người con duy nhất. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX xem xét phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất 207, thửa số 8, diện tích 1.135m<sup>2</sup>, tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Quá trình phân chia di sản thừa kế cần xem xét công sức của bị đơn trong quá trình quản lý, tôn tạo di sản thừa kế.

Cơ quan nhà nước xem xét cấp đất cho bà C1 là hộ gia đình nhưng chưa xem xét về nguồn gốc sử dụng đất là của ba mẹ bà L để lại là không đúng, do đó, bà L đề nghị được hưởng một phần của thửa đất là có căn cứ. Nguyện vọng của bà L có phần di sản để làm nhà thờ cho cha mẹ nên đề nghị HĐXX xem xét hợp tình, hợp lý.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Bà C1 kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng với quy định của pháp luật.

Thời điểm bà C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai có ý kiến gì. Tại thời điểm cấp đất hộ bà C1 gồm có 4 người: Bà C1, bà H2, ông C, bà B.

Vợ chồng ông C, bà S quản lý, sử dụng thửa đất và là người có công rất lớn trong việc san lấp, cải tạo mặt bằng trồng cây và được UBND xã T xác nhận, do đó cần phân chia cho vợ chồng ông C, bà S được hưởng một phần quyền sử dụng đất, mỗi người được hưởng 227m<sup>2</sup>.

Bà H2 chết không để lại di chúc, bà L, bà C1 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên bà L được hưởng 113.5m<sup>2</sup>.

Bà Dương Thị B tặng cho phần mà bà B được hưởng di sản thừa kế và phần tài sản chung cho ông C, bà S nên đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Với nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 26/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:***

Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 108, Điều 109, Điều 110 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 105 Luật đất đai 2003; Điều 611, Điều 612, Điều 620, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 654, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị L về việc phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 1.135m<sup>2</sup> tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đào Thị C1 và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy một phần quyết định 313/QĐ-UB ngày 07/9/2001 của UBND huyện T về việc cấp giấy CNQSD đất cho bà Đào Thị C1 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.135m<sup>2</sup>.

- Giao cho bà Đào Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 125m<sup>2</sup> có vị trí như sau:

+ Phía Bắc giáp đường bê tông có cạnh chiều dài 9.30m;

+ Phía Tây có cạnh chiều dài là 13.51m;

+ Phía Nam có cạnh chiều dài 9.30m;

(Cạnh phía Tây, Nam giáp đất của ông Nguyễn Quang C, bà Lê Thị S)

+ Phía Đông giáp thửa đất 209 do UBND xã T quản lý có cạnh chiều dài 13.38m.

*(Có sơ đồ kèm theo)*

Ông Nguyễn Quang C, bà Lê Thị S có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tài sản, cây cối trên diện tích đất được giao cho bà L (nếu có). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đào Thị L có yêu cầu cấp giấy CNQSD đất, UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đất, đất ở theo hạn mức quy định tại địa phương.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/7/2023, nguyên đơn bà Đào Thị L có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà và quyền sử dụng diện tích đất 1.135m<sup>2</sup> mà hộ bà Đào Thị C1 đã được cấp Giấy CNQSD đất, theo hướng: chia ½ thửa đất cho ông Nguyễn Quang C và ½ thửa đất cho bà Đào Thị L làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên; hủy một phần quyết định 313/QĐ-UB ngày 07/9/2001 của UBND huyện T về việc cấp giấy

CNQSD đất cho bà Đào Thị C1 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.135m<sup>2</sup>.

Ngày 03/7/2023, ông Đào Văn T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà và quyền sử dụng diện tích đất 1.135m<sup>2</sup> mà hộ bà Đào Thị C1 đã được cấp Giấy CNQSD đất, theo hướng: chia ½ thửa đất cho ông Nguyễn Quang C và ½ thửa đất cho bà Đào Thị L và ông Đào Văn T làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên; hủy một phần quyết định 313/QĐ-UB ngày 07/9/2001 của UBND huyện T về việc cấp giấy CNQSD đất cho bà Đào Thị C1 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.135m<sup>2</sup>.

**\*Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn: đề nghị HĐXX bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến:

+ Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Quyết định tại Bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp; đề nghị HĐXX bác kháng cáo của Nguyên đơn giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 26, 34 Bộ luật tố tụng Dân sự, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

#### **[2] Về nội dung kháng cáo:**

[2.1] Xét yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn bà Đào Thị L và ông Đào Văn T đối với di sản là thửa đất số 207, tờ bản đồ số 8, tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị với diện tích 1.135m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở và 935m<sup>2</sup> đất vườn) (viết tắt thửa đất số 207).

[2.1.1] Cơ sở pháp lý của thửa đất: thửa đất số 207, theo sổ mục kê năm 1998, đứng tên kê khai là bà Đào Thị C1; và UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất số U 534989 cho hộ bà Đào Thị C1 vào ngày 07/9/2001.

[2.1.2] Kiểm tra toàn bộ hồ sơ vụ án thì không có tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc thửa đất số 207 là di sản của ông Đào Văn X1 (chết năm 1960 – là cha của bà L, bà C1, là ông nội của ông Đào Văn T) và bà La Thị G (mẹ của bà Đào Thị C1, là bà nội ruột của ông T) để lại; cũng như ngôi nhà cấp 4 cũ là do nguyên đơn bà L và bà Dương Thị H2 (là mẹ ruột bà L) xây dựng. Căn cứ các lời khai của những người làm chứng là thợ xây, hộ liên kê thì ngôi nhà này là do bà C1 xây dựng vào khoảng năm 1989 - 1990 thì phù hợp với lời khai của Bị đơn.

[2.1.3] Xác định di sản thừa kế: Tại mục [2.1.1] thời điểm UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất cho hộ bà Đào Thị C1 là năm 2001, theo Công an huyện T xác nhận tại Công văn số 263 ngày 07/4/2023 thì nhân khẩu của hộ bà C1 gồm: bà Đào Thị C1, sinh năm 1935 (chủ hộ), bà Dương Thị H2 sinh năm 1905 (mẹ), anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1972 (con) và chị Dương Thị B sinh năm 1975 (con). Do đó, xác định quyền sử dụng đất của thửa đất số 207 là tài sản chung hộ gia đình gồm bà C1, bà H2, anh C và chị B quy định tại Điều 108, Điều 109 và Điều 110 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 105 Luật Đất đai năm 2003.

Trong diện tích đất là 1.135m<sup>2</sup> tại thửa đất số 207 thì cần xem xét phần diện tích đất là công tôn tạo, cải tạo, san lấp mặt bằng trong quá trình sử dụng đất của anh C, bà S là 135 m<sup>2</sup> như nhận định của Tòa án sơ thẩm là phù hợp. Phần diện tích đất còn lại là 1000m<sup>2</sup>, chia theo phần cho 4 thành viên trong hộ, mỗi người là 250 m<sup>2</sup> (1000 m<sup>2</sup>:4).

Như vậy, căn cứ Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định thì di sản thừa kế bà Dương Thị H2 để lại là quyền sử dụng diện tích đất 250m<sup>2</sup> trong khối tài sản chung của hộ gia đình tại thửa đất số 207.

[2.1.4] Về thời điểm, địa điểm mở thừa kế của bà H2 (bà chết ngày 17/10/2015) là ngày 17/10/2015, tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị như Tòa án sơ thẩm xác định là có căn cứ theo quy định tại Điều 611 Bộ luật Dân sự và còn thời hiệu chia di sản thừa kế khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự.

[2.1.5] Hàng thừa kế của bà Dương Thị H2 gồm: bà Đào Thị L và bà Đào Thị C1 (bà C1 là con riêng của chồng, bà H2 là mẹ kế nhưng bà C1 đã chăm sóc phụng dưỡng bà từ năm 1975 đến khi bà chết). Bà C1 chết ngày 25/4/2018, theo quy định pháp luật thì anh C và chị B là con của bà C1 được hưởng phần thừa kế của mẹ.

Riêng ông Đào Văn T không thuộc phải là cháu nội ruột của bà H2 nên không có quyền được hưởng thừa kế từ di sản bà H2 để lại nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông T.

[2.1.6] Về phân chia di sản thừa kế: Di sản của bà H2 để lại là  $250\text{m}^2$  nên bà C1, bà L mỗi người trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng diện tích  $250\text{m}^2 : 2 = 125\text{m}^2$  ( $25\text{m}^2$  đất ở,  $100\text{m}^2$  đất vườn).

Diện tích xây dựng đất ở thực tế của bị đơn là  $240,4\text{m}^2$  đã vượt quá diện tích đất ở  $200\text{m}^2$  được cấp trong giấy CNQSD đất số U 534989 ngày 07/9/2001, do đó sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà L có quyền xin cấp giấy CNQSD đất và ông C, bà S làm thủ tục cấp đổi giấy CNQSD đất thì UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị và các cơ quan liên quan có trách nhiệm cấp lại diện tích đất ở theo quy định về hạn mức đất ở tại địa phương mình quản lý.

Vị trí thửa đất được phân chia như Tòa án sơ thẩm phân chia cho bà L là một diện tích đất ở phía Đông, tiếp giáp với đường khu vực là thuận lợi, không ảnh hưởng đến giá trị, công năng sử dụng đất gồm có chiều dài các cạnh ( $9.30\text{m} + 13.51 + 9.30 + 13.38$ ) với diện tích  $125\text{m}^2$  là phù hợp.

Đối với phần di sản mà bà C1: bà C1 đã chết nên các con là anh C và chị B được thừa hưởng. Chị Dương Thị B từ chối nhận di sản thừa kế mà tặng cho vợ chồng anh chị là ông Nguyễn Quang C, bà Lê Thị S nên HĐXX sơ thẩm ghi nhận yêu cầu của bà B là có cơ sở pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu hủy một phần quyết định 313/QĐ-UB ngày 07/9/2001 của UBND huyện T về việc cấp giấy CNQSD đất cho bà Đào Thị C1 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 08, diện tích  $1.135\text{m}^2$ . Xét, như nhận định tại [2.1.2] thì nguyên đơn không chứng minh toàn bộ thửa đất số 207 và ngôi nhà cấp 4 cũ là di sản thừa kế. Mà theo sổ mục kê năm 1998, bà C1 đăng ký kê khai và làm nhà ở, sử dụng đất ổn định ngày 07/9/2001 được UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất U 534989 ngày là đúng quy định pháp luật. Hơn nữa, sau khi người để lại di sản chết thì mới phát sinh tranh chấp thừa kế tài sản nên không có cơ sở để hủy giấy CNQSD đất. Các bên đương sự được hưởng di sản có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy CNQSD đất theo quy định sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, yêu cầu hủy một phần quyết định 313/QĐ-UB ngày 07/9/2001 của UBND huyện T về việc cấp giấy CNQSD đất cho bà Đào Thị C1 đối với thửa đất số 207 không chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy, nhận định và quyết định tại Bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn và Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác làm thay đổi bản chất vụ việc, do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị L, ông Đào Văn T chia  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 207 kháng cáo của Nguyên đơn yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm.

[4] Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bác toàn bộ kháng cáo yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 207 cho nguyên đơn bà Đào Thị L, ông Đào Văn T.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn bà Đào Thị L có đơn và xét được miễn án phí, lý do là người cao tuổi. Ông Đào Văn T do kháng cáo không được chấp nhận nên chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị L và ông Đào Văn T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Đào Thị L được miễn theo quy định, ông Đào Văn T phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000325 ngày 09/8/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Thị Ngọc Dung**